

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2018/HS-ST

Ngày: 28- 9- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương

2. Ông Trần Quang Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2018/HSST ngày 05 tháng 9 năm 2018, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/HSST- QĐXX ngày 17 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1- Trần Văn S, sinh năm 1977, tại xã An Tràng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn Tràng, xã An Tràng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; bố đẻ: Ông Trần Văn Lộc, được tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước (đã chết); mẹ đẻ: Bà Vũ Thị Ngọc, sinh năm 1942; vợ là: Bùi Thị Dịu, sinh năm 1976, con: có 02 con (con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2006); tiền sự, tiền án: Không

Nhân thân: Tham gia quân đội nhân dân Việt Nam từ tháng 2/1995 đến tháng 5/1997 xuất ngũ về địa phương.

Bị tạm giữ từ ngày 17/6/2018 đến ngày 20/6/2018 bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

2- Vũ Văn M, sinh năm 1979, tại xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn Bất Nạo, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; bố đẻ: Ông Vũ Văn Phòng, được Nhà nước tặng Huân chương chiến sỹ giải phóng (đã chết); mẹ đẻ: Bà Phạm Thị Gái, sinh năm 1953; vợ là: Trương Thị Điều, sinh năm 1983, con: có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền sự, tiền án: Không

Nhân thân: Tham gia quân đội nhân dân Việt Nam từ tháng 3/1999 đến tháng 5/2001 xuất ngũ về địa phương.

Bị tạm giữ từ ngày 17/6/2018 đến ngày 20/6/2018 bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

3- Vũ Đức Th, sinh năm 1973, tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; bố đẻ: Ông Vũ Đức Th, sinh năm 1933; mẹ đẻ: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1939; vợ là: Trần Thị L, sinh năm 1974, con: có 02 con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2005); tiền sự, tiền án: Không

Nhân thân: Tham gia quân đội nhân dân Việt Nam từ tháng 2/1990 đến tháng 10/1992 xuất ngũ về địa phương.

Bị tạm giữ từ ngày 17/6/2018 đến ngày 20/6/2018 bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

4- Vũ Đức Th1, sinh năm 1988, tại xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; bố đẻ: Ông Vũ Văn C, sinh năm 1964; mẹ đẻ: Bà Vũ Thị Th, sinh năm 1963; vợ là: Nguyễn Thị L, sinh năm 1991, con: có 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014); tiền sự, tiền án: Không

Bị tạm giữ từ ngày 17/6/2018 đến ngày 20/6/2018 bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5- Phạm Văn Đ, sinh năm 1983, tại xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; bố đẻ: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1951; mẹ đẻ: Bà Nguyễn Thị Nh (đã chết); vợ là: Đỗ Thị Ph, sinh năm 1982, con: có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền sự, tiền án: Không

Bị tạm giữ từ ngày 17/6/2018 đến ngày 20/6/2018 bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

6- Nguyễn Văn C, sinh năm 1982, tại xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; bố đẻ: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm

1948; mẹ đẻ: Bà Bùi Thị Ng, sinh năm 1954; vợ là: Trần Thị D, sinh năm 1984, con: có 02 con (con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017); tiền sự, tiền án: Không

Bị tạm giữ từ ngày 17/6/2018 đến ngày 20/6/2018 bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

7- Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1971, tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 4/10; dân tộc: Kinh; bố đẻ: Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1936, được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước; mẹ đẻ: Bà Mai Thị Th, sinh năm 1938; vợ là: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970, con: có 02 con (con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2002); tiền sự, tiền án: Không

Bị tạm giữ từ ngày 17/6/2018 đến ngày 20/6/2018 bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

8- Mai Xuân Nh, sinh năm 1973, tại xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; bố đẻ: Ông Mai Đức Th (đã chết), được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước; mẹ đẻ: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1930; vợ, con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không

Nhân thân: Tham gia quân đội nhân dân Việt Nam từ tháng 3/1991 đến tháng 8/1994 xuất ngũ về địa phương. Là đối tượng khuyết tật (bị bỏng) đang hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng.

Bị tạm giữ từ ngày 17/6/2018 đến ngày 20/6/2018 bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

9- Mai Xuân Ch, sinh năm 1967, tại xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; bố đẻ: Ông Mai Xuân Ch, sinh năm 1940; mẹ đẻ: Bà Hòa Thị K, sinh năm 1939; vợ là: Bùi Thị N, sinh năm 1972, con: có 2 con (con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1997); tiền sự, tiền án: Không

Nhân thân: Tham gia quân đội nhân dân Việt Nam từ tháng 3/1985 đến tháng 4/1988 xuất ngũ về địa phương. Ngày 01/6/2007 và ngày 20/11/2016 có hành vi đánh bạc bị Công an huyện Quỳnh Phụ xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền. Hiện đã được xóa tiền sự.

Bị tạm giữ từ ngày 17/6/2018 đến ngày 20/6/2018 bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 17/6/2018, Trần Văn S có mời Vũ Văn M, Vũ Đức Th, Vũ Đức Th1, Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Văn C, Mai Xuân Nh, Phạm Văn Đ, Mai Xuân Ch đến nhà Sinh ăn giỗ. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày thì ăn xong. Trong lúc ngồi chơi nói chuyện thì Mạnh thấy ở gầm bàn uống nước nhà Sinh có một bộ bài tú lơ khơ 52 quân nên bảo với S, Th, Th1, Q, C, Nh Đ, Ch “*Anh em mình làm tý liêng*”. Hiểu ý Mạnh là rủ đánh bạc nên S, Th, Th1, Q, C, Nh Đ, Ch đồng ý. Mạnh cầm theo bộ bài tú lơ khơ cùng Th, Th1, Đ vào gian buồng ngủ nhà Sinh ngồi xuống chiếc thảm nỉ màu đỏ- đen trải sẵn dưới nền nhà. Cả 4 bỏ tiền ra để đánh bạc, thống nhất đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh “liêng”, tiền góp “gà” là 10.000 đồng, tiền “tố” cao nhất là 30.000 đồng. Quy ước cách chơi như sau: Mỗi ván mỗi người chơi góp tiền “gà” cố định là 10.000 đồng; tiền “tố” cao nhất là 30.000 đồng. Trước khi bắt đầu chơi những người tham gia đánh bạc phải đặt số tiền “gà” cố định là 10.000 đồng, người chia bài chia cho mỗi người 03 quân bài, số bài còn lại bỏ ra ngoài. Sau khi chia xong, mỗi người chơi cầm phần bài tương ứng với vị trí ngồi và bắt đầu “tố” tiền. Người chia bài sẽ là người được “tố” đầu tiên, người “tố” tiếp theo lần lượt theo chiều quay kim đồng hồ. Người “tố” sau phải “tố” số tiền cao hơn hoặc bằng số tiền của người “tố” liền trước đó nhưng không quá 30.000 đồng. Việc “tố” nhiều hay ít tùy theo ý thích và sự tính toán của người chơi không căn cứ vào nước bài của người đó. Nếu người chơi bài nào thấy bài của mình nhỏ không có khả năng thắng được những người cùng chơi thì có thể không tham gia “tố”, người này úp bài xin thua và bị mất số tiền góp “gà” và tiền “tố” trước đó. Người nào có số tiền “tố” bài cao nhất thì người “tố” sẽ thắng và được ăn hết số tiền “gà” và tiền “tố” của ván bài đó. Nếu như trong một ván chơi có nhiều người cùng có số tiền “tố” bằng nhau thì tất cả những người cùng chơi cùng hạ bài xuống để tính điểm với nhau. Bài của ai có số điểm cao nhất thì thắng và được ăn hết số tiền đã góp “gà”, tiền “tố” của tất cả những người cùng chơi ở trong ván bài đó. Quy ước bài của ai có “Sáp” tức 03 quân bài có cùng điểm số (ví dụ 222,333,QQQ) là to nhất, tiếp theo đến “Liêng” tức 03 quân bài khác điểm số nhưng liền kề nhau (ví dụ 567, 789, JQK), “Sáp” to thắng “Sáp” nhỏ, “Liêng” to thắng “Liêng” nhỏ. “Sáp” AAA là to nhất, “Sáp” 222 là nhỏ nhất; “Liêng” QKA là to nhất và “Liêng” 123 là nhỏ nhất. Nếu không ai có “Sáp” hoặc “Liêng” thì cùng tính điểm với nhau, bài của ai có 9 điểm là to nhất và 0 điểm là nhỏ nhất. Nếu như trong một ván bài mà có từ hai người cùng chơi trở lên có cùng số điểm to nhất với nhau thì quy định lấy quân bài có chất “Rô” là to nhất, tiếp theo lần lượt đến các chất Cơ- Tép- Bích, quân bài “A rô” là to nhất tiếp đến theo thứ tự giảm dần đến quân bài “2 bích” là nhỏ nhất. Cách thức tính điểm từ quân bài 1 (A) đến quân bài 9 sẽ được tính tương ứng với số điểm từ 1 đến 9, riêng quân bài 10, J, Q, K không tính điểm. Người chơi nào nhất ván bài trước sẽ được chia bài và “tố” đầu tiên ở ván bài tiếp theo. Khoảng 05 phút sau thì S, Q, C, Nh, Ch vào tham gia đánh bạc cùng M, Th, Th1, Đ. Đến 21 giờ cùng ngày khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị Công an huyện bắt quả tang, thu 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 thảm

nỉ màu đỏ- đen và tổng số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc là 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm nghìn đồng).

Cơ quan điều tra đã quản lý trên thăm nỉ số tiền 2.820.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Quản lý trên người các đối tượng tổng số tiền 2.380.000 đồng. Trong đó, quản lý của Vũ Đức Th: 1.020.000 đồng; Trần Văn S: 900.000 đồng; Nguyễn Hữu Q: 350.000 đồng; Vũ Văn M: 110.000 đồng, các đối tượng đều khai sử dụng để đánh bạc.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận số tiền mang đi đánh bạc như sau: Trần Văn S khai sử dụng số tiền 1.130.000 đồng để đánh bạc; đến khi bị bắt quả tang trên người còn 900.000 đồng. Vũ Đức Th khai sử dụng số tiền 1.180.000 đồng để đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang trên người còn 1.020.000 đồng. Mai Xuân Ch khai sử dụng số tiền 630.000 đồng để đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang trên người không còn đồng nào. Nguyễn Hữu Q khai sử dụng số tiền 550.000 đồng để đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang trên người còn 350.000 đồng. Vũ Văn M sử dụng số tiền 450.000 đồng để đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang trên người còn 110.000 đồng. Nguyễn Văn C khai sử dụng số tiền 340.000 đồng để đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang trên người không có đồng nào. Mai Xuân Nh khai sử dụng số tiền 330.000 đồng để đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang trên người không có đồng nào. Phạm Văn Đ sử dụng số tiền 300.000 đồng để đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang trên người không có đồng nào. Vũ Đức Th1 khai sử dụng số tiền 290.000 đồng để đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang trên người không có đồng nào.

Bản cáo trạng số 77/CT-VKS-QP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố các bị cáo Trần Văn S, Vũ Văn M, Vũ Đức Th, Vũ Đức Th1, Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Văn C, Mai Xuân Nh, Phạm Văn Đ và Mai Xuân Ch về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn S, Vũ Văn M, Vũ Đức Th, Vũ Đức Th1, Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Văn C, Mai Xuân Nh, Phạm Văn Đ và Mai Xuân Ch phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50, 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo S, M, Ch; đề nghị xử phạt các bị cáo S, M mỗi bị cáo từ 12- 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24-30 tháng; xử phạt bị cáo Ch từ 09- 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18-24 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 50, 58, 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Th, Q, C, Nh, Đ, Th1. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Th, Q, Nh Đề nghị xử phạt bị cáo Th từ 24- 30 tháng cải tạo không giam giữ; các bị cáo Q, C, Nh, Đ, Th1 mỗi bị cáo từ 18-24 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, đề nghị phạt bổ sung các bị cáo S, M, Ch, Th từ 12-15 triệu đồng; các bị cáo Q, C, Đ, Th1 mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nh do bị cáo là đối tượng người khuyết tật. Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị tịch thu để tiêu hủy vật chứng gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 thảm nỉ màu đỏ- đen. Tịch thu số tiền 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm nghìn đồng) sung quỹ nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo đã thực hiện hành vi sau: Trong khoảng thời gian từ 20 giờ 30 phút đến 21 giờ ngày 17/6/2018 tại nhà Trần Văn S ở thôn Tràng, xã An Tràng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, các bị cáo: Trần Văn S, Vũ Văn M, Vũ Đức Th, Vũ Đức Th1, Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Văn C, Mai Xuân Nh, Phạm Văn Đ và Mai Xuân Ch đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh “liêng”, bị Công an huyện Quỳnh Phụ bắt quả tang. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc bị thu giữ là 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm nghìn đồng).

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với nội dung bản cáo trạng và được chứng minh bằng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; sơ đồ hiện trường và toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự có khung hình phạt: phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi đánh bạc của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội và dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn với tổng số tiền tham gia đánh bạc không lớn nhưng cần đánh giá vai trò, mức độ phạm tội của các bị cáo để cá thể hóa hình phạt.

Bị cáo Trần Văn S là chủ nhà nhưng sau khi được rủ rê đánh bạc tại gia đình mình, S đã không can ngăn mà đã cùng tham gia đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền với số tiền dùng đánh bạc nhiều thứ hai trong vụ án (1.130.000 đồng). Bị cáo Vũ Văn M có số tiền tham gia đánh bạc không lớn (450.000 đồng) nhưng bị cáo là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác đánh bạc. Do đó, đánh giá vai trò của các bị cáo S, M là ngang nhau và cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương đương nhau để cải tạo, giáo dục các bị cáo.

Tiếp theo là các bị cáo Vũ Đức Th, Mai Xuân Ch; bị cáo Th có số tiền tham gia đánh bạc nhiều nhất (1.180.000 đồng), bị cáo Ch số tiền tham gia đánh bạc nhiều thứ ba (630.000 đồng) nhưng đã từng bị Công an huyện Quỳnh Phụ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc vào các năm 2007, 2016. Do đó đánh giá vai trò, mức độ phạm tội của các bị cáo Th, Ch ngang nhau và phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhưng thấp hơn các bị cáo S, M là phù hợp.

Sau cùng là các bị cáo Vũ Đức Th1, Phạm Văn Đ, Mai Xuân Nh, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu Q lần lượt có số tiền tham gia đánh bạc là: 290.000 đồng, 300.000 đồng, 330.000 đồng, 340.000 đồng và 550.000 đồng. Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội với vai trò thứ yếu nên cần lên mức án bằng nhau đối với bị cáo nhưng thấp hơn các bị cáo khác trong vụ án.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy:

Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo S, Mạnh, Q, Nh đều có bố đẻ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân huy chương; các bị cáo S, M, Ch, Th, Nh đều có thời gian tham gia quân đội nhân dân Việt Nam. Do đó, các bị cáo S, M, Ch, Th, Q, Nh đều được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đánh giá việc áp dụng hình phạt đối với các bị cáo thấy:

Các bị cáo S, M, Th, Q, C, Nh, Đ, Th1 đều có nhân thân tốt. Bị cáo Ch đã từng 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc nhưng đã được xóa tiền sự. Các bị cáo đều lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên không cần thiết cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo S, M, Ch; áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Th, Q, C, Nh, Đ, Th1 cũng đủ điều kiện cải

tạo, giáo dục các bị cáo. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục. Thời gian các bị cáo bị tạm giữ được quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Xét các bị cáo phạm tội với động cơ tư lợi, sát phạt nhau, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp pháp luật. Bị cáo Nh là đối tượng người khuyết tật đang hưởng chế độ bảo trợ xã hội hàng tháng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nh. Các bị cáo Th, Quyền, C, Đ, Th1 không có thu nhập ổn định, bị cáo Nh là đối tượng bảo trợ xã hội nên miễn việc khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 tấm nỉ màu đỏ- đen. Đây là những công cụ các bị cáo sử dụng đánh bạc và đều không có giá trị sử dụng. Gia đình bị cáo Sinh cũng không có yêu cầu nhận lại chiếc tấm nỉ, do đó cần tịch thu để tiêu huỷ là phù hợp với Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Cơ quan điều tra đã thu giữ tổng số tiền 5.200.000 đồng (*Năm triệu hai trăm nghìn đồng*) là tiền dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung để quỹ nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn S, Vũ Văn M, Vũ Đức Th, Vũ Đức Th1, Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Văn C, Mai Xuân Nh, Phạm Văn Đ và Mai Xuân Ch phạm tội “Đánh bạc”.

- *Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50, 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Sinh, Mạnh, Chứng,*

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn S **01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là **02 (Hai) năm** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Vũ Văn M **01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là **02 (Hai) năm** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Mai Xuân Ch **09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là **18 (Mười tám) tháng** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trần Văn S, Mai Xuân Ch cho Ủy ban nhân dân xã An Tràng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; giao bị cáo Vũ Văn M cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- *Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 50, 58, 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Thụy, Quyền, Cường, Nhiệm, Đắc, Thụy. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Thụy, Quyền, Nhiệm.*

+ Xử phạt bị cáo Vũ Đức Thụy **24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ**, được trừ 03 ngày tạm giữ (*từ ngày 17/6/2018 đến ngày 20/6/2018*) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn phải chấp hành phạt cải tạo không giam giữ là **23 (Hai mươi ba) tháng 21 (Hai mươi một) ngày**. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã An Tràng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Q **18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ**, được trừ 03 ngày tạm giữ (*từ ngày 17/6/2018 đến ngày 20/6/2018*) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn phải chấp hành phạt cải tạo không giam giữ là **17 (Mười bảy) tháng 21 (Hai mươi một) ngày**. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã An Tràng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C **18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ**, được trừ 03 ngày tạm giữ (*từ ngày 17/6/2018 đến ngày 20/6/2018*) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn phải chấp hành phạt cải tạo không giam giữ là **17 (Mười bảy) tháng 21 (Hai mươi một) ngày**. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã An Tràng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Mai Xuân Nh **18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ**, được trừ 03 ngày tạm giữ (*từ ngày 17/6/2018 đến ngày 20/6/2018*) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn phải chấp hành phạt cải tạo không giam giữ là **17 (Mười bảy) tháng 21 (Hai mươi một) ngày**. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã An Tràng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ **18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ**, được trừ 03 ngày tạm giữ (*từ ngày 17/6/2018 đến ngày 20/6/2018*) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn phải chấp hành phạt cải tạo không giam giữ là **17 (Mười bảy) tháng 21 (Hai mươi một) ngày**. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Vũ Đức Th1 **18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ**, được trừ 03 ngày tạm giữ (*từ ngày 17/6/2018 đến ngày 20/6/2018*) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn phải chấp hành phạt cải tạo không giam giữ là **17 (Mười bảy) tháng 21 (Hai mươi một) ngày**. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Vũ Đức Thụy, Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Văn C, Mai Xuân Nh, Phạm Văn Đ và Vũ Đức Th1.

Giao các bị cáo Vũ Đức Th, Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Văn C, Mai Xuân Nh cho Ủy ban nhân dân xã An Tràng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; giao các bị cáo Phạm Văn Đ, Vũ Đức Th1 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- **Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự ,

+ Phạt bổ sung các bị cáo Trần Văn S, Vũ Văn M, Mai Xuân Ch, mỗi bị cáo **12.000.000 đồng** (Mười hai triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

+ Phạt bổ sung các bị cáo Vũ Đức Th, Vũ Đức Th1, Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Văn C, Phạm Văn Đ, mỗi bị cáo **10.000.000 đồng** (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Mai Xuân Nh.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

+ Tịch thu để tiêu huỷ vật chứng gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 thảm nỉ màu đỏ- đen.

+ Tịch thu số tiền **5.200.000 đồng** (Năm triệu hai trăm nghìn đồng) sung quỹ nhà nước.

Vật chứng trên đang được chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ ngày 05/9/2018.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Các bị cáo Trần Văn S, Vũ Văn M, Vũ Đức Th, Vũ Đức Th1, Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Văn C, Mai Xuân Nh, Phạm Văn Đ và Mai Xuân Ch, mỗi bị cáo phải nộp số tiền **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Công an huyện Quỳnh Phụ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng